

Số: 316/2026/QĐST-DS

Thạch Thất, ngày 28 tháng 07 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20/ 07/ 2026 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 195/2026/TLST-DS ngày 08/ 04/2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (tên viết tắt là V1).

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền lần 1: Ông **Hoàng Đình H** - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ Vùng theo giấy uỷ quyền số: 377334.25 ngày 25/11/2025.

Địa chỉ liên lạc: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, phường K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền lần 2: Bà **Lê Thị C** - Nhân viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, phường K, Thành phố Hà Nội. (Giấy uỷ quyền số 028166.26 ngày 26/01/2026).

Bị đơn: Bà Doãn Thị T, sinh ngày 10/ 03/ 1987.

Nơi cư trú: Xóm G, thôn T, xã K, Thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: 0011.

Người Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận như sau:

1. Bà Doãn Thị T có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng tín dụng số 107063283.25 ngày 04/04/2025 và Khế ước nhận nợ 107179304.25 ngày 04/04/2025 tạm tính đến ngày 20/07/2026 là: 588.068.250 đồng (*Năm trăm tám mươi tám triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc là: 531.740.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 13.555.873 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.772.377 đồng.

2. Kể từ ngày 21/07/2026, Bà Doãn Thị T tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 107063283.25 và Khế ước nhận nợ 107179304.25 ngày 04/04/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Doãn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại đối với tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: Toyota, số loại: Hilux, biển kiểm soát: 30M - 416.05. Số khung: MR0BA3CD406621651; số máy 1GD1735101; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 2900008018 do Công an xã L - Công an thành phố H cấp ngày 02/04/2025, mang tên chủ xe bà Doãn Thị T. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký giao dịch bảo đảm và bồi thường Nhà nước- Bộ Tư pháp theo Hợp đồng số: 9847749.25 ngày 04/04/2025.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đang quản lý chiếc xe ô tô trên (dưới mọi hình thức) phải có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để thi hành án khi kê biên, phát mại.

4. Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Doãn Thị T đối với Ngân hàng TMCP Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Doãn Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

5. Về án phí: Bị đơn bà Doãn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 13.761.365 đồng (*mười ba triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0008507 ngày 08/ 04/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10- Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND KV 10 - HN;
- Phòng THADS KV 10- HN
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành